| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH THANH HÓA | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 138 /2026/QĐ-UBND | *Thanh Hóa, ngày 25 tháng 11 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự số 118/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 241/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ 2024 và Điều 77 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; hàng siêu trường, siêu trọng, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ; cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của*

*xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông trên đường bộ, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 403/TTr-SXD ngày 27 tháng 10 năm 2026;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

**Điều 2.** Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2026.

2. Các quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

b) Quyết định số 40/2022/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

c) Quyết định số 3705/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác cầu phê duyệt quy trình quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn thuộc địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

d) Quyết định số 1693/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh phân công, phân cấp về quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông trên đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp (để b/c);
- Cục Đường bộ Việt Nam;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Thanh Hóa;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, THĐT, CNXD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

**Tô Anh Dũng**

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH THANH HÓA | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

# QUY ĐỊNH

**Quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

## Chương I

## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

2. Các nội dung khác về quản lý kết cấu hạ tầng đường bộ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; tổ chức giao thông, kết nối giao thông đường bộ; công tác phòng chống thiên tai đường bộ.

## Chương II

## QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### Điều 3. Cơ quan quản lý đường bộ

1. Sở Xây dựng quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ đối với:

a) Các tuyến quốc lộ Ủy ban nhân dân tỉnh được phân cấp quản lý;

b) Các tuyến đường tỉnh *(trừ tuyến đường quy định tại điểm a khoản 2 Điều này)*;

c) Các tuyến đường khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ đối với:

a) Các tuyến đường tỉnh được giao quản lý *(trừ tuyến đường quy định tại điểm b khoản 1 Điều này)*;

b) Các tuyến đường công cộng trong phạm vi ranh giới quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đối với:

a) Các tuyến đường đô thị, đường xã, đường thôn trên địa bàn;

b) Các tuyến đường khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý.

**Điều 4. Đặt tên, đổi tên, số hiệu đường đô thị, đường xã**

1. Việc đặt tên, đổi tên, số hiệu đường đô thị, đường xã thực hiện theo quy định tại Điều 11 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15; Điều 8 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ (sau đây gọi là Nghị định số 165/2024/NĐ-CP) và Điều 4 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định số 241/2026/NĐ-CP).

2. Số hiệu đường đô thị, đường xã trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này.

**Điều 5. Kết nối vào các tuyến quốc lộ đang khai thác**

1. Đối với các trường hợp kết nối giao thông vào quốc lộ đang khai thác thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, không phải thực hiện quy định tại Điều 29 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP. Sở Xây dựng có trách nhiệm xác định lý trình vị trí nút giao đấu nối để làm cơ sở thực hiện các thủ tục tiếp theo theo quy định.

2. Các trường hợp kết nối vào quốc lộ đang khai thác không thuộc khoản 1 Điều này thì phải thực hiện thủ tục chấp thuận vị trí nút giao đấu nối theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP.

3. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, đánh giá hồ sơ, hiện trường và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chấp thuận vị trí nút giao đấu nối vào quốc lộ đang khai thác trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

**Điều 6. Kết nối vào các tuyến đường bộ địa phương đang khai thác**

1. Các trường hợp kết nối giao thông vào đường bộ địa phương đang khai thác sau đây không phải thực hiện thủ tục chấp thuận vị trí nút giao đấu nối:

a) Các trường hợp kết nối giao thông vào đường bộ địa phương đang khai thác bảo đảm quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 241/2026/NĐ-CP;

b) Các dự án, công trình, khu chức năng, khu đô thị, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các trường hợp khác đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư mà trong hồ sơ chủ trương đầu tư, hồ sơ quy hoạch có thể hiện phương án kết nối giao thông trực tiếp vào đường bộ;

c) Đối với các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý đường bộ có trách nhiệm xác định lý trình vị trí nút giao đấu nối từ đường nhánh vào tuyến đường bộ đang khai thác được giao quản lý, làm cơ sở để thực hiện các thủ tục tiếp theo theo quy định.

2. Đối với trường hợp không thuộc khoản 1 Điều này, vị trí nút giao đấu nối mới phải đảm bảo khoảng cách theo quy chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia; quy chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia không quy định thì phải bảo đảm quy định sau:

a) Khoảng cách giữa các điểm đấu nối liền kề cùng phía dọc theo một bên tuyến được xác định theo cấp quy hoạch của đoạn tuyến đường, đối với tuyến đường từ cấp II trở lên không nhỏ hơn 1.000m/điểm; đối với tuyến đường có dải phân cách giữa và đường từ cấp III trở xuống không nhỏ hơn 500m/điểm;

b) Trường hợp phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, công trình quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương có vị trí đề nghị đấu nối vào đường tỉnh đi qua các địa bàn, khu vực có địa hình núi cao, vực sâu, sông, suối, kênh, rạch, đê điều, hồ, đập, công trình thủy lợi, thủy điện, đường sắt, đường cao tốc, quốc lộ, khu vực di tích lịch sử, văn hóa, công trình quan trọng, khu vực có nhiều nhà dân không thể giải phóng mặt bằng khó khăn cho việc xây dựng đường gom thì được giảm khoảng cách so với quy định tại điểm a khoản này, nhưng phải bảo đảm quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan;

c) Không quy định khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đấu nối liền kề vào đường thôn, nhưng việc đấu nối phải bố trí đầy đủ các công trình an toàn giao thông, hệ thống báo hiệu đường bộ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

3. Cơ quan có thẩm quyền quyết định chấp thuận vị trí nút giao đấu nối:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chấp thuận vị trí nút giao đấu nối vào các tuyến đường tỉnh trên địa bàn tỉnh (đối với quốc lộ thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy định này). Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chấp thuận bảo đảm theo quy định;

b) Phân cấp cho Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp chấp thuận vị trí nút giao đấu nối vào các tuyến đường được giao quản lý trong phạm vi khu kinh tế, khu công nghiệp bảo đảm theo quy định, trừ tuyến đường tỉnh được giao quản lý;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định chấp thuận vị trí nút giao đấu nối vào đường bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 15 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026.

4. Nút giao đấu nối phải được thiết kế, xây dựng tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, phù hợp với cấp đường và bảo đảm an toàn giao thông, năng lực thông hành của tuyến đường.

5. Các khu vực, cơ quan, tổ chức, cơ sở dịch vụ, sản xuất kinh doanh kết nối giao thông vào đường tỉnh, đường chính thông qua đường gom để các phương tiện tham gia giao thông về các vị trí đã có kết nối trực tiếp với đường tỉnh, đường chính theo quy định. Tổ chức, cá nhân là chủ đầu tư, chủ sở hữu các khu vực, cơ sở nói trên phải tự xây dựng đường gom để kết nối.

6. Các cơ quan được giao tại khoản 3 Điều này chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan kiểm tra, đánh giá hồ sơ, hiện trường nhằm xác định điều kiện, vị trí và bảo đảm an toàn phạm vi nút giao đấu nối.

7. Trình tự, thủ tục, hồ sơ, thời hạn giải quyết thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 15 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP.

8. Văn bản chấp thuận vị trí nút giao đấu nối được lập theo Mẫu số 02 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 241/2026/NĐ-CP.

**Điều 7. Cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác**

1. Cơ quan được giao cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác trên địa bàn tỉnh:

a) Sở Xây dựng cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác đối với các tuyến đường được giao quản lý;

b) Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác đối với các tuyến đường được giao quản lý;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác đối với các tuyến đường được giao quản lý trên địa bàn.

2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 12 Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

**Điều 8. Chấp thuận xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đang khai thác**

1. Cơ quan được giao chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công

trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ thực hiện như sau:

a) Sở Xây dựng thực hiện đối với các tuyến đường được giao quản lý;

b) Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp thực hiện đối với các tuyến đường được giao quản lý;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đối với các tuyến đường được giao quản lý trên địa bàn.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 241/2026/NĐ-CP.

**Điều 9. Công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai đối với các tuyến đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định công bố và kết thúc tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với đường bộ

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công bố và kết thúc tình huống khẩn cấp về thiên tai đối với đường bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

b) Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh hoặc Sở Xây dựng tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công bố tình huống khẩn cấp, kết thúc tình huống khẩn cấp về thiên tai.

3. Thẩm quyền ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp khắc phục thiên tai

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp khắc phục thiên tai đối với các tuyến quốc lộ được phân cấp quản lý, đường tỉnh, các tuyến đường khác do Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp được giao quản lý theo quy định.

Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá hiện trạng, lập hồ sơ, báo cáo, tham mưu Chủ

tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp khắc phục thiên tai đối với các tuyến đường được giao quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp khắc phục thiên tai đối với các tuyến đường bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật. Phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá hiện trạng, lập hồ sơ, báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

4. Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ hoàn thành khắc phục thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông và hồ sơ hoàn thành dự án khẩn cấp khắc phục thiên tai.

Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ hoàn thành khắc phục thiên tai, xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông và hồ sơ hoàn thành dự án khẩn cấp khắc phục thiên tai đối với các tuyến đường được giao quản lý theo thẩm quyền.

Việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ hoàn thành thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2024/TT-BGTVT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 72/2025/TT-BXD và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Bố trí kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai

Căn cứ khả năng cân đối nguồn vốn, Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí khắc phục các công trình đường bộ bị thiệt hại do thiên tai gây ra trên cơ sở Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp khắc phục thiên tai, công trình xử lý ùn tắc, bảo đảm giao thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định đối với các tuyến quốc lộ được phân cấp quản lý, đường tỉnh và các tuyến đường khác thuộc phạm vi quản lý của Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp.

Trường hợp kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai đối với các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã vượt quá khả năng cân đối của ngân sách cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét hỗ trợ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

**Điều 10. Tổ chức giao thông trên các tuyến đường bộ đang khai thác**

1. Việc tổ chức giao thông đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 25 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 và Nghị định số 165/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 241/2026/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền tổ chức giao thông đường bộ trong giai đoạn quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng công trình đường bộ như sau:

a) Sở Xây dựng là cơ quan có trách nhiệm tổ chức giao thông trên các tuyến đường được giao quản lý bảo đảm theo quy định;

b) Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp là cơ quan có trách nhiệm tổ chức giao thông trên các tuyến đường được giao quản lý bảo đảm theo quy định;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan có trách nhiệm tổ chức giao thông trên các tuyến đường được giao quản lý trên địa bàn bảo đảm theo quy định.

**Điều 11. Đặt biển tốc độ khai thác trên đường bộ**

1. Việc đặt biển báo tốc độ khai thác trên đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 38/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông trên đường bộ, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 26 Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp quyết định đặt biển báo tốc độ khai thác theo quy định tại điểm b Điều 10 Thông tư số 38/2024/TT-BGTVT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 26 Thông tư số 09/2025/TT-BXD, cụ thể như sau:

a) Sở Xây dựng quyết định đặt biển báo tốc độ khai thác đối với các tuyến đường được giao quản lý bảo đảm theo quy định;

b) Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp quyết định đặt biển báo tốc độ khai thác đối với các tuyến đường được giao quản lý bảo đảm theo quy định;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đặt biển báo tốc độ khai thác đối với các tuyến đường được giao quản lý trên địa bàn bảo đảm theo quy định.

**Điều 12. Công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ**

1. Việc tổ chức công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 12/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; hàng siêu trường, siêu trọng, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ; cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.

2. Sở Xây dựng là cơ quan chủ trì tổng hợp thông tin về đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ thuộc phạm vi quản lý trên Trang thông tin điện tử của tỉnh. Thông tin tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp; Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm báo cáo thông tin trên các tuyến đường bộ thuộc phạm vi quản lý về Sở Xây dựng để tổng hợp.

4. Trường hợp có thay đổi về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ, Sở Xây dựng chịu trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật thông tin trên Trang thông tin điện tử của tỉnh trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được số liệu của các cơ quan quy định tại khoản 3 Điều này gửi về.

**Điều 13. Cập nhật, điều chỉnh các thông tin trong cơ sở dữ liệu đường bộ**

1. Sở Xây dựng thực hiện cập nhật, điều chỉnh các thông tin trong cơ sở dữ liệu đường bộ đối với các tuyến đường được giao quản lý.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp thực hiện cập nhật, điều chỉnh các thông tin trong cơ sở dữ liệu đường bộ đối với các tuyến đường được giao quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cập nhật, điều chỉnh các thông tin trong cơ sở dữ liệu đường bộ đối với các tuyến đường được giao quản lý trên địa bàn.

**Điều 14. Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ**

1. Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 14 Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Các công việc trong kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 14 Thông tư số 72/2025/TT-BXD.

3. Lập nhu cầu quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ và danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư

a) Sở Xây dựng lập nhu cầu quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ đối với các tuyến đường được giao quản lý; tổng hợp danh mục công việc, dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư trong năm sau, phối hợp với Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 6 hằng năm;

b) Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp lập nhu cầu quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ đối với các tuyến đường được giao quản lý (bao gồm cả tuyến đường tỉnh được giao quản lý); tổng hợp danh mục công việc, dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư trong năm sau, phối hợp với Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 6 hằng năm;

c) Phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu lập nhu cầu quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ và danh mục công việc, dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư đối với các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 30 tháng 6 hằng năm;

d) Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm 01 bộ: Tờ trình đề nghị phê duyệt; báo cáo thuyết minh nhu cầu, danh mục công việc, dự án ưu tiên, dự kiến kinh phí thực hiện và các tài liệu liên quan làm cơ sở xác định nhu cầu (nếu có);

đ) Hồ sơ được gửi qua hệ thống quản lý văn bản điện tử; trường hợp chưa đáp ứng điều kiện thực hiện trên môi trường điện tử thì gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Phê duyệt nhu cầu quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ và danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhu cầu quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ và danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư trong năm sau đối với các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý của Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp trước ngày 30 tháng 7 hằng năm;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt nhu cầu quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ và danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư trong năm sau đối với các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý trước ngày 30 tháng 7 hằng năm;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt; trường hợp không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do. Việc giải quyết phải bảo đảm hoàn thành trước ngày 30 tháng 7 hằng năm;

d) Kết quả giải quyết là quyết định phê duyệt nhu cầu quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ và danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền.

5. Căn cứ lập, phê duyệt nhu cầu và danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư

a) Việc lập nhu cầu căn cứ vào tình trạng kỹ thuật, nhu cầu khai thác vận tải, quy mô và kết cấu công trình, lịch sử sửa chữa, bảo trì, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật và các dữ liệu có liên quan;

b) Các công việc, dự án được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên, phân loại theo hai mức độ "Ưu tiên 1" và "Ưu tiên 2" trên cơ sở mức độ cần thiết, yêu cầu bảo đảm an toàn giao thông, tình trạng kỹ thuật công trình và khả năng cân đối nguồn vốn;

c) Danh mục các dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư là danh mục các dự án, công trình sửa chữa định kỳ làm mới thuộc danh mục các công trình "Ưu tiên 1" trong nhu cầu quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ.

6. Căn cứ nhu cầu, danh mục công việc, dự án ưu tiên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, dự toán các công việc thuộc kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

7. Lập, phê duyệt kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ hằng năm

a) Sau khi được cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách hằng năm, Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp căn cứ nhu cầu, danh mục công việc, dự án ưu tiên đã được phê duyệt, cập nhật dự toán các công trình đã thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp danh mục và dự toán kinh phí, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch bảo trì bảo đảm theo quy định;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ dự toán ngân sách được giao và nhu cầu đã được phê duyệt, tổ chức lập, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ đối với các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý;

c) Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm 01 bộ: Tờ trình đề nghị phê duyệt; dự thảo kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ theo Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; quyết định phê duyệt nhu cầu, danh mục công việc, dự án ưu tiên; tài liệu về dự toán ngân sách được giao và các tài liệu có liên quan (nếu có);

d) Hồ sơ được gửi qua hệ thống quản lý văn bản điện tử; trường hợp chưa đáp ứng điều kiện thực hiện trên môi trường điện tử thì gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt kế hoạch; trường hợp không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do.

8. Điều chỉnh, bổ sung danh mục công việc, dự án và kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ

Trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung danh mục, công việc trong kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục, công việc trong kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ đã được phê duyệt; Phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục, công việc trong kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ đã được phê duyệt.

Hồ sơ đề nghị điều chỉnh, bổ sung gồm tờ trình nêu rõ lý do, nội dung điều chỉnh, dự kiến kinh phí và các tài liệu liên quan.

**Điều 15. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ**

1. Quy định về báo cáo: Theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Trách nhiệm báo cáo.

a) Sở Xây dựng là cơ quan chủ trì, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Xây dựng kết quả thực hiện đối với các tuyến đường được giao quản lý.

3. Ngoài báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

**Điều 16. Bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ**

1. Sở Xây dựng

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn, đôn đốc, chỉ đạo; theo dõi, kiểm tra, tổng hợp công tác quản lý, bảo vệ và xử lý vi phạm kết cấu hạ tầng đường bộ;

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;

c) Thực hiện công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đối với các tuyến đường được giao quản lý; chỉ đạo các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, tuần đường, tuần kiểm để kịp thời phát hiện hư hỏng, nguy cơ mất an toàn và hành vi vi phạm kết cấu hạ tầng đường bộ trên các tuyến đường được giao quản lý; chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị được giao quản lý đường bộ thuộc phạm vi quản lý thực hiện các biện pháp bảo vệ, xử lý theo thẩm quyền; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an và các đơn vị có liên quan để xử lý kịp thời các hành vi vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

2. Công an tỉnh

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và Công an cấp xã phối hợp với cơ quan quản lý đường bộ, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các vi phạm khác thuộc thẩm quyền theo quy định.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp

a) Thực hiện quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đối với các tuyến đường được giao quản lý; tổ chức kiểm tra, theo dõi, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hoặc kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền;

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý;

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an và các đơn vị có liên quan xử lý kịp thời các hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đối với các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý; tổ chức kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền các hành vi xâm phạm kết cấu hạ tầng đường bộ; phối hợp với cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn;

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;

c) Chủ trì, tổ chức thực hiện theo thẩm quyền việc giải tỏa vi phạm, quản lý phần đất của đường bộ đã được bồi thường, giải phóng mặt bằng và bàn giao cho cơ quan quản lý đường bộ; ngăn chặn, xử lý tình trạng tái lấn chiếm, sử dụng trái phép đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ; phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

d) Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; khi lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và thực hiện các hoạt động quản lý đất đai có liên quan đến kết cấu hạ tầng đường bộ phải bảo đảm tuân thủ quy định về đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ; phối hợp lấy ý kiến cơ quan quản lý đường bộ theo quy định; quản lý, bảo vệ mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ; thực hiện các quy định về đường gom, hệ thống thoát nước của đường bộ; không để xảy ra việc sử dụng đất làm ảnh hưởng đến lối thoát nước và hệ thống tiêu, thoát nước của đường bộ;

đ) Kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ đối với các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ, cơ quan công an và các cơ quan, đơn vị có liên quan xử lý vi phạm đối với các tuyến đường khác trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

5. Người quản lý, sử dụng đường bộ

a) Tổ chức bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi được giao quản lý; thực hiện tuần đường, tuần kiểm; kịp thời phát hiện, cảnh báo và xử lý hư hỏng, nguy cơ mất an toàn; quản lý, bảo vệ mốc lộ giới theo quy định;

b) Khi phát hiện hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ hoặc hành vi vi phạm khác ảnh hưởng đến kết cấu hạ tầng, an toàn giao thông đường bộ, có trách nhiệm ghi nhận hiện trạng, lập hồ sơ ban đầu trong phạm vi nhiệm vụ được giao, báo cáo cơ quan quản lý đường bộ và thông báo, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vi phạm phối hợp xử lý theo thẩm quyền;

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý đường bộ, cơ quan Công an và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc kiểm tra, ngăn chặn, xử lý vi phạm; theo dõi, kiến nghị xử lý trường hợp tái lấn chiếm; thực hiện các biện pháp bảo vệ, khôi phục kết cấu hạ tầng đường bộ theo trách nhiệm được giao.

6. Phối hợp xử lý vi phạm về đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ

a) Khi phát hiện hành vi vi phạm quy định về sử dụng, khai thác, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ có trách nhiệm kịp thời ghi nhận hiện trạng, lập biên bản vi phạm theo thẩm quyền, thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vi phạm và cơ quan quản lý đường bộ có liên quan để phối hợp xử lý; đồng thời thực hiện các biện pháp cảnh báo, bảo đảm an toàn giao thông trong phạm vi trách nhiệm được giao;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra, ngăn chặn và xử lý vi phạm thuộc thẩm quyền; phối hợp với cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ, cơ quan Công an và cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc xác minh hiện trạng, lập hồ sơ và tổ chức thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật. Trường hợp vượt quá thẩm quyền, chuyển hồ sơ đến cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định; đồng thời phối hợp ngăn chặn vi phạm tiếp diễn, tái lấn chiếm và tổ chức thi hành quyết định xử lý khi được yêu cầu;

c) Sở Xây dựng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, người quản lý, sử dụng đường bộ và cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, xác minh, xử lý vi phạm đối với các tuyến đường thuộc phạm vi được giao quản lý theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền. Cơ quan Công an phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông và xử lý vi phạm theo thẩm quyền được pháp luật quy định;

d) Việc lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và tổ chức thi hành quyết định xử lý vi phạm thực hiện theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về đường bộ, đất đai và pháp luật có liên quan.

7. Báo và Phát thanh, truyền hình Thanh Hóa

Phối hợp với Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp và Ủy ban nhân dân cấp xã tăng cường phổ biến, tuyên truyền quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; thông tin kịp thời việc chấp

hành quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

8. Các tổ chức, cá nhân có liên quan

a) Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm chấp hành các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; phát hiện và thông báo kịp thời đến cơ quan quản lý đường bộ, đơn vị quản lý đường bộ hoặc cơ quan có thẩm quyền nơi gần nhất các hành vi vi phạm về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;

c) Chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình đường chuyên dùng chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ chuyên dùng.

## Chương III

## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Quy định chuyển tiếp

a) Hồ sơ đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Quyết định ban hành Quy định này có hiệu lực thi hành mà chưa giải quyết xong thì việc tiếp tục giải quyết thực hiện theo quy định chuyển tiếp của pháp luật có liên quan;

b) Các công việc khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông, sửa chữa trên các tuyến đường bộ thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc đã triển khai thực hiện trước ngày Quyết định ban hành Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quyết định và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết theo thẩm quyền./.

# Phụ lục:
# PHƯƠNG ÁN ĐẶT SỐ HIỆU ĐƯỜNG ĐÔ THỊ, ĐƯỜNG XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá)*

| STT | Tên xã, phường | Số hiệu đường đô thị | Số hiệu đường xã | STT | Tên xã, phường | Số hiệu đường đô thị | Số hiệu đường xã |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Phường Hạc Thành | ĐĐT.011.xx | | 83 | Xã Thọ Xuân | | ĐX.093.xx |
| 2 | Phường Quảng Phú | ĐĐT.012.xx | | 84 | Xã Thọ Long | | ĐX.094.xx |
| 3 | Phường Đông Quang | ĐĐT.013.xx | | 85 | Xã Xuân Hòa | | ĐX.095.xx |
| 4 | Phường Đông Sơn | ĐĐT.014.xx | | 86 | Xã Sao Vàng | | ĐX.096.xx |
| 5 | Phường Đông Tiến | ĐĐT.015.xx | | 87 | Xã Lam Sơn | | ĐX.097.xx |
| 6 | Phường Hàm Rồng | ĐĐT.016.xx | | 88 | Xã Thọ Lập | | ĐX.098.xx |
| 7 | Phường Nguyệt Viên | ĐĐT.017.xx | | 89 | Xã Xuân Tín | | ĐX.099.xx |
| 8 | Phường Sầm Sơn | ĐĐT.018.xx | | 90 | Xã Xuân Lập | | ĐX.100.xx |
| 9 | Phường Nam Sầm Sơn | ĐĐT.019.xx | | 91 | Xã Kim Tân | | ĐX.101.xx |
| 10 | Phường Bỉm Sơn | ĐĐT.020.xx | | 92 | Xã Vân Du | | ĐX.102.xx |
| 11 | Phường Quang Trung | ĐĐT.021.xx | | 93 | Xã Ngọc Trạo | | ĐX.103.xx |
| 12 | Phường Ngọc Sơn | ĐĐT.022.xx | | 94 | Xã Thạch Bình | | ĐX.104.xx |
| 13 | Phường Tân Dân | ĐĐT.023.xx | | 95 | Xã Thành Vinh | | ĐX.105.xx |
| 14 | Phường Hải Lĩnh | ĐĐT.024.xx | | 96 | Xã Thạch Quảng | | ĐX.106.xx |
| 15 | Phường Tĩnh Gia | ĐĐT.025.xx | | 97 | Xã Cẩm Thủy | | ĐX.107.xx |
| 16 | Phường Đào Duy Từ | ĐĐT.026.xx | | 98 | Xã Cẩm Thạch | | ĐX.108.xx |
| 17 | Phường Hải Bình | ĐĐT.027.xx | | 99 | Xã Cẩm Tú | | ĐX.109.xx |
| 18 | Phường Trúc Lâm | ĐĐT.028.xx | | 100 | Xã Cẩm Vân | | ĐX.110.xx |
| 19 | Phường Nghi Sơn | ĐĐT.029.xx | | 101 | Xã Cẩm Tân | | ĐX.111.xx |
| 20 | Xã Các Sơn | | ĐX.030.xx | 102 | Xã Ngọc Lặc | | ĐX.112.xx |
| 21 | Xã Trường Lâm | | ĐX.031.xx | 103 | Xã Thạch Lập | | ĐX.113.xx |
| 22 | Xã Hà Trung | | ĐX.032.xx | 104 | Xã Ngọc Liên | | ĐX.114.xx |
| 23 | Xã Tống Sơn | | ĐX.033.xx | 105 | Xã Minh Sơn | | ĐX.115.xx |
| 24 | Xã Hà Long | | ĐX.034.xx | 106 | Xã Nguyệt Ấn | | ĐX.116.xx |
| 25 | Xã Hoạt Giang | | ĐX.035.xx | 107 | Xã Kiên Thọ | | ĐX.117.xx |
| 26 | Xã Lĩnh Toại | | ĐX.036.xx | 108 | Xã Linh Sơn | | ĐX.118.xx |
| 27 | Xã Hậu Lộc | | ĐX.037.xx | 109 | Xã Đồng Lương | | ĐX.119.xx |
| 28 | Xã Triệu Lộc | | ĐX.038.xx | 110 | Xã Văn Phú | | ĐX.120.xx |
| 29 | Xã Đông Thành | | ĐX.039.xx | 111 | Xã Giao An | | ĐX.121.xx |

| STT | Tên xã, phường | Số hiệu đường đô thị | Số hiệu đường xã | STT | Tên xã, phường | Số hiệu đường đô thị | Số hiệu đường xã |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 30 | Xã Hoa Lộc | | ĐX.040.xx | 112 | Xã Yên Khương | | ĐX.122.xx |
| 31 | Xã Vạn Lộc | | ĐX.041.xx | 113 | Xã Yên Thắng | | ĐX.123.xx |
| 32 | Xã Nga Sơn | | ĐX.042.xx | 114 | Xã Bá Thước | | ĐX.124.xx |
| 33 | Xã Nga Thắng | | ĐX.043.xx | 115 | Xã Thiết Ống | | ĐX.125.xx |
| 34 | Xã Hồ Vương | | ĐX.044.xx | 116 | Xã Văn Nho | | ĐX.126.xx |
| 35 | Xã Tân Tiến | | ĐX.045.xx | 117 | Xã Điền Quang | | ĐX.127.xx |
| 36 | Xã Nga An | | ĐX.046.xx | 118 | Xã Điền Lư | | ĐX.128.xx |
| 37 | Xã Ba Đình | | ĐX.047.xx | 119 | Xã Quý Lương | | ĐX.129.xx |
| 38 | Xã Hoằng Hóa | | ĐX.048.xx | 120 | Xã Cổ Lũng | | ĐX.130.xx |
| 39 | Xã Hoằng Tiến | | ĐX.049.xx | 121 | Xã Pù Luông | | ĐX.131.xx |
| 40 | Xã Hoằng Thanh | | ĐX.050.xx | 122 | Xã Như Thanh | | ĐX.132.xx |
| 41 | Xã Hoằng Lộc | | ĐX.051.xx | 123 | Xã Xuân Du | | ĐX.133.xx |
| 42 | Xã Hoằng Châu | | ĐX.052.xx | 124 | Xã Mậu Lâm | | ĐX.134.xx |
| 43 | Xã Hoằng Phú | | ĐX.053.xx | 125 | Xã Yên Thọ | | ĐX.135.xx |
| 44 | Xã Hoằng Sơn | | ĐX.054.xx | 126 | Xã Thanh Kỳ | | ĐX.136.xx |
| 45 | Xã Hoằng Giang | | ĐX.055.xx | 127 | Xã Xuân Thái | | ĐX.137.xx |
| 46 | Xã Lưu Vệ | | ĐX.056.xx | 128 | Xã Như Xuân | | ĐX.138.xx |
| 47 | Xã Quảng Yên | | ĐX.057.xx | 129 | Xã Thượng Ninh | | ĐX.139.xx |
| 48 | Xã Quảng Ngọc | | ĐX.058.xx | 130 | Xã Hóa Quỳ | | ĐX.140.xx |
| 49 | Xã Quảng Ninh | | ĐX.059.xx | 131 | Xã Xuân Bình | | ĐX.141.xx |
| 50 | Xã Quảng Bình | | ĐX.060.xx | 132 | Xã Thanh Phong | | ĐX.142.xx |
| 51 | Xã Tiên Trang | | ĐX.061.xx | 133 | Xã Thanh Quân | | ĐX.143.xx |
| 52 | Xã Quảng Chính | | ĐX.062.xx | 134 | Xã Thường Xuân | | ĐX.144.xx |
| 53 | Xã Nông Cống | | ĐX.063.xx | 135 | Xã Luận Thành | | ĐX.145.xx |
| 54 | Xã Thắng Lợi | | ĐX.064.xx | 136 | Xã Tân Thành | | ĐX.146.xx |
| 55 | Xã Trung Chính | | ĐX.065.xx | 137 | Xã Thắng Lộc | | ĐX.147.xx |
| 56 | Xã Trường Văn | | ĐX.066.xx | 138 | Xã Xuân Chinh | | ĐX.148.xx |
| 57 | Xã Thăng Bình | | ĐX.067.xx | 139 | Xã Bát Mọt | | ĐX.149.xx |
| 58 | Xã Tượng Lĩnh | | ĐX.068.xx | 140 | Xã Yên Nhân | | ĐX.150.xx |
| 59 | Xã Công Chính | | ĐX.069.xx | 141 | Xã Lương Sơn | | ĐX.151.xx |
| 60 | Xã Thiệu Hóa | | ĐX.070.xx | 142 | Xã Vạn Xuân | | ĐX.152.xx |
| 61 | Xã Thiệu Quang | | ĐX.071.xx | 143 | Xã Hồi Xuân | | ĐX.153.xx |
| 62 | Xã Thiệu Tiến | | ĐX.072.xx | 144 | Xã Nam Xuân | | ĐX.154.xx |
| 63 | Xã Thiệu Toán | | ĐX.073.xx | 145 | Xã Thiên Phủ | | ĐX.155.xx |
| 64 | Xã Thiệu Trung | | ĐX.074.xx | 146 | Xã Hiền Kiệt | | ĐX.156.xx |

| STT | Tên xã, phường | Số hiệu đường đô thị | Số hiệu đường xã | STT | Tên xã, phường | Số hiệu đường đô thị | Số hiệu đường xã |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 65 | Xã Yên Định | | ĐX.075.xx | 147 | Xã Phú Lệ | | ĐX.157.xx |
| 66 | Xã Yên Trường | | ĐX.076.xx | 148 | Xã Trung Thành | | ĐX.158.xx |
| 67 | Xã Yên Phú | | ĐX.077.xx | 149 | Xã Phú Xuân | | ĐX.159.xx |
| 68 | Xã Quý Lộc | | ĐX.078.xx | 150 | Xã Trung Sơn | | ĐX.160.xx |
| 69 | Xã Yên Ninh | | ĐX.079.xx | 151 | Xã Quan Sơn | | ĐX.161.xx |
| 70 | Xã Định Tân | | ĐX.080.xx | 152 | Xã Trung Hạ | | ĐX.162.xx |
| 71 | Xã Định Hòa | | ĐX.081.xx | 153 | Xã Tam Lư | | ĐX.163.xx |
| 72 | Xã Triệu Sơn | | ĐX.082.xx | 154 | Xã Tam Thanh | | ĐX.164.xx |
| 73 | Xã Thọ Bình | | ĐX.083.xx | 155 | Xã Sơn Điện | | ĐX.165.xx |
| 74 | Xã Thọ Ngọc | | ĐX.084.xx | 156 | Xã Sơn Thủy | | ĐX.166.xx |
| 75 | Xã Thọ Phú | | ĐX.085.xx | 157 | Xã Mường Mìn | | ĐX.167.xx |
| 76 | Xã Hợp Tiến | | ĐX.086.xx | 158 | Xã Na Mèo | | ĐX.168.xx |
| 77 | Xã An Nông | | ĐX.087.xx | 159 | Xã Mường Lát | | ĐX.169.xx |
| 78 | Xã Tân Ninh | | ĐX.088.xx | 160 | Xã Trung Lý | | ĐX.170.xx |
| 79 | Xã Đồng Tiến | | ĐX.089.xx | 161 | Xã Nhi Sơn | | ĐX.171.xx |
| 80 | Xã Vĩnh Lộc | | ĐX.090.xx | 162 | Xã Pù Nhi | | ĐX.172.xx |
| 81 | Xã Tây Đô | | ĐX.091.xx | 163 | Xã Mường Lý | | ĐX.173.xx |
| 82 | Xã Biện Thượng | | ĐX.092.xx | 164 | Xã Tam Chung | | ĐX.174.xx |
| | | | | 165 | Xã Quang Chiểu | | ĐX.175.xx |
| | | | | 166 | Xã Mường Chanh | | ĐX.176.xx |

*Ghi chú:* Ký hiệu xx là số thứ tự của tuyến đường trên địa bàn xã, phường.